

BẢO TỒN VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG ĐA DẠNG SINH HỌC ĐỘNG VẬT TRONG CÁC HỆ SINH THÁI VÙNG TRUNG VÀ HẠ LƯU SÔNG MÊ KÔNG

ĐẶNG HUY HUỠNH

Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Viện KHCN Việt Nam

MỞ ĐẦU

Vùng rừng đầu nguồn trung và hạ lưu sông Mê Kông có chức năng sinh thái cực kỳ quan trọng nằm trên địa giới 24 tỉnh, từ vùng núi tỉnh Hòa Bình trải dài đến tận dãy núi cao Bình Phước, do các đặc điểm về địa hình, địa mạo, khí hậu không đồng nhất đã hình thành nên các hệ sinh thái tự nhiên đa dạng và phong phú. Với vị trí nằm giữa một vùng giao tiếp, một bên sườn Tây giáp với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia, qua sườn Đông giáp với các tỉnh Bắc Trung Bộ, duyên hải miền Trung và đồng bằng sông Mê Kông của Việt Nam, với diện tích tự nhiên rộng lớn, trong đó có khoảng 6 triệu ha rừng và đất rừng. Đặc biệt quan trọng là các hệ sinh thái rừng đầu nguồn trung và vùng hạ lưu sông Mê Kông cùng với Nam Lào và Đông Bắc Campuchia tạo thành vùng núi liên hoàn hiện còn lưu giữ nhiều nét ban đầu: các thảm thực vật nhiệt đới ẩm, nhiều loài thực vật, động vật mang yếu tố đặc biệt nhiệt đới điển hình.

Vì vậy các hệ sinh thái rừng đầu nguồn trung và hạ lưu sông Mê Kông không những có vai trò quan trọng trong việc tàng trữ, tích lũy sự đa dạng sinh học mà còn có chức năng sinh thái cực kỳ quan trọng, góp phần bảo vệ rừng đầu nguồn của lưu vực sông Mê Kông, bảo vệ sự yên lành trong cuộc sống và phát triển đối với hơn 30 triệu dân gồm nhiều dân tộc anh em, sống dọc biên giới của dãy Trường Sơn và vùng lân cận.

Có thể nói, với nền khí hậu nhiệt đới gió mùa, khối sơn nguyên trong vùng đai á xích đạo trên một lãnh thổ kéo dài theo vĩ tuyến từ Hòa Bình đến tận Bình Phước, thì việc phân hóa lãnh thổ thành nhiều hệ sinh thái đặc thù như: hệ sinh thái rừng ẩm thường xanh nhiệt đới núi thấp Bắc Trung Bộ đến vùng núi cao Ngọc Linh (Kon Tum) qua Đăk Lăk, Đồng Nai - Bình Phước. Loại rừng này phân bố dọc theo các sườn Tây và sườn Đông với độ cao từ 1.000 m đến trên 2.000 m so với mặt biển, bao phủ tất cả các đỉnh cao của Bắc, Trung

Trường Sơn và Tây Nguyên. Đặc biệt, các tỉnh Đăk Lăk, Gia Lai và Kom Tum có hệ sinh thái rừng thưa cây họ Dầu chiếm ưu thế. Còn hệ sinh thái rừng hỗn giao tre nứa phân bố ven các sông suối lớn như sông Thanh, sông Trà Khúc, sông Đà Rằng, sông Serepok, sông Sê San, sông Côn, sông Ba và sông Đồng Nai, do nền nhiệt ổn định là đặc điểm cơ bản của nền khí hậu đai á xích đạo nên đã tạo cho các hệ sinh thái rừng đầu nguồn vùng hạ lưu sông Mê Kông có nguồn tài nguyên đa dạng sinh học mang sắc thái đặc thù mà nhiều nơi khác không có được. Có thể nói đây là một trong những trung tâm phong phú về đa dạng sinh học trên thế giới, là một trong 200 vùng sinh thái có tầm quan trọng về bảo tồn đa dạng sinh học trên toàn cầu. Đây cũng là một vùng rất đa dạng các nền văn hóa của hơn 40 dân tộc anh em đã đoàn kết giúp đỡ nhau định cư lâu đời trên các vùng rừng núi và các thung lũng dọc theo khu vực biên giới Việt – Lào và Campuchia. Từ xa xưa đến nay, phần lớn cuộc sống các cộng đồng ở đây vẫn còn phụ thuộc vào rừng và đất rừng để sản xuất canh tác nông nghiệp, họ được thụ hưởng nguồn nước sạch, đánh bắt các loài cá, cua, tôm, ốc, ếch..., hay thu nhặt các lâm sản ngoài gỗ. Chính vì thế mà đây cũng là địa bàn rất phong phú về kho tàng các kiến thức bản địa trong việc sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên sinh học để phục vụ cho sự tồn tại và phát triển trên lãnh thổ rộng lớn này. Để minh chứng tính đa dạng sinh học và chức năng sinh thái của đa dạng nguồn tài nguyên động vật đối với hệ sinh thái rừng đầu nguồn trung và hạ lưu sông Mê Kông, xin nêu một số dẫn liệu mang tính đặc trưng về hệ sinh thái và tính đa dạng loài của khu hệ động vật có xương sống trên cạn (bò sát, ếch nhái, chim, thú).

ĐA DẠNG VỀ LOÀI

Qua tài liệu nghiên cứu của tác giả kết hợp kế thừa, tham khảo các tài liệu của các nhà khoa học trong nước và các tổ chức quốc tế đóng tại Việt Nam: WWF, FFI, Birdlife International..., cho đến nay, chúng tôi đã thống kê được 850 loài động vật có xương sống trên cạn (thú, chim, bò sát, ếch nhái), bao gồm 200 loài động vật có vú (Mammalia) nằm trong 32 họ, thuộc 12 bộ, chiếm 62,5% tổng số loài thú có ở Việt Nam. Về chim (Aves), có 550 loài thuộc 70 họ, 19 bộ, nếu so với số lượng loài chim đã biết ở Việt Nam thì thành phần các loài chim phân bố ở vùng hạ lưu sông Mê Kông chiếm đến 58,8%. Bò sát, ếch nhái có 150 loài/458 loài, chiếm 32,75% so với số loài hiện đã biết trong cả nước (Bảng 1). Thực ra số loài trong các lớp động vật đã được thống kê trên đây theo chúng tôi chưa phản ánh đầy đủ hết tính đa dạng sẵn có trong địa bàn rộng lớn này.

Bảng 1. Số loài động vật có xương sống trên cạn phân bố trong các hệ sinh thái rừng đầu nguồn vùng trung và hạ lưu sông Mê Kông

TT	Lớp động vật		Số lượng loài		Tỷ lệ % vùng rừng đầu nguồn so với toàn quốc
	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Vùng rừng đầu nguồn trung và hạ lưu sông Mê Kông	Toàn quốc	
1	Bò sát, Ếch nhái	Reptilia, Amphibia	150	458	32,75
2	Chim	Aves	550	1.040	58,8
3	Thú	Mammalia	200	310	62,5

Bảng 1 cho thấy thành phần khu hệ động vật có xương sống trên cạn của 3 lớp động vật có ở trong các hệ sinh thái rừng đầu nguồn thuộc 4 vùng sinh thái tổ hợp vùng hạ lưu sông Mê Kông rất phong phú, đa dạng. Nhưng theo chúng tôi, thành phần khu hệ động vật có xương sống trên cạn ở địa bàn này cho đến nay vẫn còn nhiều điều tiềm ẩn, chưa được tổ chức điều tra khảo sát kỹ một cách có hệ thống trong toàn vùng. Vì vậy, số liệu nêu ở trên là chưa đầy đủ, nhất là các loài cá, các loài động vật không xương sống, các loài côn trùng, động vật đất...

Các dãy rừng nằm trong vùng trung và hạ lưu sông Mê Kông đã được các tổ chức quốc tế WWF, Birdlife International và các nhà khoa học Việt Nam đánh giá là 1 trong 221 khu vực chim đặc hữu của thế giới, trong đó có 11 loài đặc hữu hẹp là Gà lôi đuôi trắng, Gà lam mào đen, Trĩ sao, Gà lam mào trắng, Gà so Trung Bộ, Khướu mỏ dài, Chích mỏ xám, Đuôi cụt vằn, Ngan cánh trắng, Khướu đá mun, Khướu Ngọc Linh và là nơi rất đa dạng các loài bò sát, thú quý hiếm đặc biệt. Trong giữa thế kỷ thứ XX đến đầu thế kỷ XXI, các nhà khoa học đã phát hiện thêm nhiều loài và loài phụ thú mới như Sao la, Mang lớn, Mang Trường Sơn, Mang Pù Hoạt, Voọc Hà Tĩnh, Voọc ngũ sắc, Sóc chân vàng đuôi nâu đen, Thỏ vằn, Bò sừng xoắn và Lợn chào vao. Có giả thuyết cho rằng đây chính là nơi xuất phát và phát tán ra các nơi khác của Voọc đen (*T. francoisi*) và loài vượn (*Nomascus concolor*). Điều đáng quan tâm chính là trên địa bàn này vẫn còn tồn tại một quần thể Tê giác một sừng (*Rhinoceros sondaicus anamiticus*) với số lượng từ 5-7 cá thể. Đây là quần thể tê giác duy nhất còn tìm thấy ở Việt Nam. Rõ ràng rằng các vùng trung và hạ lưu sông Mê Kông, vùng ngã ba Đông Dương, vùng hành lang biên giới giữa Việt Nam, Lào và Campuchia được thiên nhiên ưu đãi về sự phong phú đa dạng nguồn tài nguyên động vật hoang dã, đặc biệt các loài thú lớn như Voi, Hổ, Tê giác, Bò xám, Bò tót, Bò rừng, Trâu rừng, Nai, Hươu cà toong, Hươu đầm lầy, Cheo napu, cùng với các loài thuộc bộ Linh trưởng (Primates), đã ghi nhận có 17/25 loài và phân loài có trên địa bàn. Ví dụ loài Voọc đen Hà Tĩnh (*Trachypithecus francoisi hatinhensis*) chỉ gặp ở VQG Phong Nha Kẻ Bàng, còn loài Voọc

đen tuyền (*T. f. ebenus*) là loài đặc hữu của Việt Nam và Lào, còn các loài Chà vá chân nâu (*Pygathrix nemaeus nemaeus*), Chà vá chân đen (*P. n. nigripes*), Chà vá chân xám (*P. cinerea*), Vượn siki (*Nomascus leucogenys*), Vượn má hung (*N. gabriellae*) và Voọc bạc (*Trachypithecus cristatus*), là những loài đặc hữu ở cả ba nước Đông Dương.

Tóm lại, nếu so với các loài thuộc diện đặc hữu quý hiếm thì đây chính là vùng cần được xếp mức ưu tiên rất cao, ví dụ: trong số 80 loài thú có trong Sách Đỏ Việt Nam năm 2000, thì trên vùng hạ lưu sông Mê Kông đã xác định được 71 loài, chiếm 88,75% so với số loài thú quý hiếm trong cả nước; về chim có 65/81 số loài chim ghi trong Sách Đỏ Việt Nam, chiếm 80,2%; về bò sát ếch nhái có 32/54 loài có trong Sách Đỏ Việt Nam, chiếm 59,2%. Như vậy, toàn vùng tuy chưa thật đầy đủ, nhưng đã có 168 loài động vật có xương sống trên cạn sống hoang dã cần có kế hoạch ưu tiên tổ chức bảo tồn và sử dụng bền vững (Bảng 2). Chính đây là một yếu tố rất quan trọng góp phần vào việc xác định lựa chọn vùng ưu tiên để bảo tồn đa dạng sinh học trong Chương trình Bảo tồn Đa dạng Sinh học Trung Trường Sơn mà Quỹ Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (WWF) đóng tại Việt Nam phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn lựa chọn đề nghị và đã được Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam phê duyệt theo Quyết định số 81/CP-NN ngày 09 tháng 1 năm 2004. Kỳ vọng đây sẽ là một vùng bảo tồn, phát triển bền vững các nguồn gen động vật hoang dã quý hiếm trên bán đảo Đông Dương.

Trên đây đã trình bày sơ lược những nét cơ bản về đa dạng sinh học nguồn tài nguyên động vật có xương sống trên cạn của vùng sinh thái trên dãy Trường Sơn nằm trong lưu vực sông Mê Kông.

Bảng 2. Các loài động vật có giá trị về bảo tồn trong các hệ sinh thái rừng đầu nguồn lưu vực trung và hạ lưu sông Mê Kông

Lớp	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Sách Đỏ VN 2000	Sách Đỏ IUCN 2003	NĐ 48/2002/NĐCP
THÚ	Cây bay	<i>Cynocephalus variegatus</i>	CR		IB
	Culi lớn	<i>Nycticebus coucang</i>	E		IIB
	Culi nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>	E		IIB
	Khỉ mặt đỏ	<i>Macaca arctoides</i>	E		IIB
	Khỉ đuôi lợn	<i>Macaca nemestrina</i>	E		IIB
	Voọc Hà Tĩnh	<i>Trachypithecus francoisi hatinhensis</i>	E		IB
	Voọc vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>	E	EN	IB

Lớp	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Sách Đỏ VN 2000	Sách Đỏ IUCN 2003	NĐ 48/2002/NĐCP
	Voọc vá chân đỏ	<i>Pygathrix nemaeus nemaeus</i>	EN	EN	IIB
	Voọc vá chân đen	<i>Pygathrix nemaeus nigripes</i>	EN	EN	IIB
	Vượn siki	<i>Nomascus leucogenys</i>	EN		IB
	Vượn má hung	<i>Nomascus gabriellae</i>	EN	EN	IB
	Voọc bạc	<i>Trachypithecus cristatus</i>	EN		IB
	Gấu chó	<i>Selenarctos malayanus</i>	EN	EN	IB
	Gấu ngựa	<i>Selenarctos thibetanus</i>	EN	EN	IB
	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>	EN		IIB
	Báo lửa	<i>Felis temminckii</i>	EN		IB
	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>	EN		IB
	Hổ	<i>Panthera tigris</i>	CR	EN	IB
	Voi	<i>Elephas maximus</i>	CR	EN	IB
	Cheo cheo Nam Dương	<i>Tragulus javanicus</i>	EN		IIB
	Cheo napu	<i>Tragulus napu</i>	EN		IIB
	Mang lớn	<i>Megamuntiacus vuquangensis</i>	EN		IIB
	Mang Trường Sơn	<i>Caninmuntiacus truongsonensis</i>	EN		IIB
	Mang Pù Hoạt	<i>Muntiacus puhoatensis</i>	EN		IIB
	Hươu sao	<i>Cervus nippon</i>	Ext		
	Bò xám	<i>Bos sauveli</i>	CR	EN	IB
	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>	CR	EN	IB
	Bò rừng	<i>Bos banteng</i>	CR	EN	IB
	Sao la	<i>Pseudorys nghetinhensis</i>	EN	EN	IB
	Sơn dương	<i>Capricornis sumatraensis</i>	EN	EN	IIB
	Trâu rừng	<i>Bubalus bubalis</i>	CR	EN	IB
	Hươu cà toong	<i>Cervus eldii</i>	CR	EN	IB
	Hươu đầm lầy	<i>Axis porcinus</i>	CR	EN	IB
	Hoẵng đốm ngón	<i>Muntiacus anamensis</i>	EN		IIB
	Lợn chào vao	<i>Sus bucculentus</i>	EN		

Lớp	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Sách Đỏ VN 2000	Sách Đỏ IUCN 2003	NĐ 48/2002/NĐCP
	Tê tê	<i>Manis javanica</i>	E		IIB
	Tê tê	<i>Manis pentadactyla</i>	E		IIB
	Sóc bay đen trắng	<i>Hylopetes alboniger</i>	E		IIB
	Sóc bay lớn	<i>Petaurista petaurista</i>	E		IIB
	Sóc đen	<i>Ratufa bicolor</i>	V		IIB
	Cây mực	<i>Artictis binturong</i>	E		IB
	Mèo gấm	<i>Padofelis marmorata</i>	E		IB
	Mèo ri	<i>Felis chaus</i>	E		IB
	Sói đỏ	<i>Cuon alpinus</i>	E	EN	IIB
	Chó rừng	<i>Canis aureus</i>	E		IIB
	Thỏ vằn	<i>Nesolagus timmisi</i>	E	DD	IIB
	Nai	<i>Cervus unicolor</i>	V		
CHIM	Ngan cánh trắng	<i>Cairina scutulata</i>	E		IB
	Công	<i>Pavomunticus imperator</i>	E		IB
	Trĩ sao	<i>Rheinartia ocellata</i>	E		IIB
	Gà lam đuôi trắng	<i>Lophura hatinhensis</i>	E		IB
	Gà lam mào đen	<i>Lophura imperialis</i>	E		IB
	Gà lôi hông tía	<i>Lophura diardi</i>	E		IB
	Gà lôi mào trắng	<i>Lophura edwardsi</i>	E		IB
	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>	E		IB
	Gà so Trung Bộ	<i>Arborophila merlini</i>	E		IIB
	Phướn đất	<i>Carpococcyx renauldi</i>	E		IIB
	Cú lợn rừng	<i>Phodilus badius</i>	E		IIB
	Dù di phương Đông	<i>Ketupa zeylonensis</i>	R		IIB
	Bông chanh rừng	<i>Alcedo hercules</i>	R		IIB
	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>	V		IIB
	Niệc mỏ vằn	<i>Rhiticeros undulatus</i>	V		IIB
	Gỗ kiến xanh đầu đỏ	<i>Picus rabieri</i>	V		IIB
	Mỏ rộng đen	<i>Carydon sumatranus</i>	V		IIB

Lớp	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Sách Đỏ VN 2000	Sách Đỏ IUCN 2003	NĐ 48/2002/NĐCP
	Đuôi cụt bụng vằn	<i>Pitta ellioti</i>	V		IIB
	Khách đuôi cờ	<i>Temmurus temmurus</i>	V		
	Ác là	<i>Pica pica</i>	V		
	Quạ khoang	<i>Corvus torquata</i>	E		
	Khướu mỏ dài	<i>Jabouilleia danjoui</i>	E		IIB
	Khướu đầu xám	<i>Garulax vassali</i>	E		IIB
	Chích má xám	<i>Macronus kellegi</i>	V		
	Khướu đá mun	<i>Stachyis herbeffi</i>	R		IIB
	Sếu cổ trụ	<i>Grus antigone</i>	E		IB
	Sả mỏ rộng	<i>Pelargopsis capensis</i>	V		
	Vẹt lùn	<i>Loriculus vernalis</i>	V		IIB
	Vẹt ngực đỏ	<i>Psittacula alexandri</i>	V		IIB
	Khướu Ngọc Linh	<i>Garulax ngoclinhensis</i>	V		IIB
	Khướu Kon Ka Kinh	<i>Garulax konkakinhensis</i>	V		
	Khướu vằn đầu đen	<i>Actinodura sodangorum</i>	V		
ẾCH NHÁI, BÒ SÁT	Cóc rừng	<i>Bufo galeatus</i>	R		
	Tắc kè	<i>Gecko gecko</i>	V		IIB
	Kỳ đà nước	<i>Varanus salvator</i>	V		IIB
	Trăn đất	<i>Python molorus</i>	V		IIB
	Rắn ráo	<i>Ptyas mucosus</i>	V		IIB
	Rắn hổ trâu	<i>Ptyas korros</i>	E		IIB
	Rắn cạp nong	<i>Bungarus fasciatus</i>	E		IIB
	Rắn hổ mang	<i>Naja naja</i>	E		IIB
	Rắn hổ mang chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>	E		IIB
	Rùa đầu to	<i>Platysternum megecephalum</i>	E		IIB
	Rùa hộp trắng vàng	<i>Cuora galbinifrons</i>	E		IIB
	Rùa hộp 3 vạch	<i>Cuora trifasciata</i>	E		IIB
	Rùa núi viền	<i>Geochelone impressa</i>	E		IIB
	Ba ba sông	<i>Trionyx sinensis</i>	V		IIB

dạng phong phú. Nhưng số lượng cá thể của từng loài thường hạn chế. Vì vậy, nếu khai thác không hợp lý, sẽ dẫn đến tình trạng kiệt quệ nhanh chóng. Chẳng hạn việc khai thác quá mức các cây gỗ quý như gỗ đỏ, gụ mật, trắc hương và các động vật như nai, mang, bò tót, bò rừng, hươu cà toong, các loài khỉ, gấu, hổ, trăn, rắn, rùa... Nhiều loài đã trở nên rất hiếm, thậm chí không ít số loài đang trong tình trạng báo động bị tuyệt chủng như voi, tê giác một sừng, hổ, gấu, tê tê...

NGUYÊN NHÂN LÀM CẠN KIẾT ĐA DẠNG NGUỒN TÀI NGUYÊN ĐỘNG VẬT TRONG CÁC HỆ SINH THÁI RỪNG ĐẦU NGUỒN TRUNG VÀ HẠ LƯU SÔNG MÊ KÔNG

Các loài động vật có giá trị kinh tế, quý hiếm bị suy giảm trong các hệ sinh thái rừng đầu nguồn sông Mê Kông là do sự khai thác không hợp lý, không dựa trên cơ sở quy luật phát triển tự nhiên của chúng. Một nguyên nhân quan trọng mà thường được nhắc đến là hậu quả của chiến tranh, nhất là chiến tranh chất độc hóa học. Điều đặc biệt cần được quan tâm là do các hoạt động khai thác lãng phí tài nguyên, phá hủy môi trường sống của động vật, hoặc làm ô nhiễm môi trường gây tác hại đến nơi sinh sống của các loài, nạn săn bắn bừa bãi các loài động vật, nạn đốt phá rừng làm rẫy vẫn xảy ra, mặc dù công tác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam đã được Nhà nước rất quan tâm.

Kể từ năm 1956-1996, Bộ Lâm nghiệp cũ, nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã có nhiều văn bản cấm vận chuyển buôn bán trái phép một số loài động vật, thực vật quý hiếm. Nhưng do quản lý chưa chặt chẽ ở các địa phương, trong thời gian gần đây lợi dụng chính sách mở cửa của Nhà nước về việc phát triển các thành phần kinh tế, một số cá nhân thậm chí lợi dụng danh nghĩa kinh tế tập thể đã đi vơ vét, lũng sục mua bán các sản phẩm từ động-thực vật rừng để đem đi bán ở các cửa khẩu, các thành phố. Chẳng hạn, không ít tư thương đi vào các vùng dọc biên giới Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Tây Nguyên (Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum) lũng sục mua các loại rắn, kỳ đà, rùa, tắc kè, các loài chim cùng các loài động vật có vú..., đóng vào bao tải chuyển ra bán tại cửa khẩu Quảng Ninh, Lạng Sơn, Lào Cai... Theo nguồn tư liệu của Nguyễn Bá Thụ năm 2000, số vụ vi phạm săn bắt, vận chuyển trái phép động vật hoang dã là 1.727 vụ, tịch thu xử lý 9.855 con và 57.044 kg động vật hoang dã, trong đó có nhiều loài có nguồn gốc từ Lào và Campuchia. Như vậy, tình trạng vận chuyển, buôn bán động vật hoang dã còn diễn ra phức tạp ở các vùng biên giới Việt Nam – Lào và Campuchia. Mặc dù lực lượng kiểm lâm, hải quan đã tiến hành kiểm tra, kiểm soát, nhưng vì lực lượng thực thi pháp luật còn mỏng, còn bị hạn chế về phương tiện, nên tình trạng vận chuyển buôn bán trái phép các loài động vật hoang dã vùng hạ lưu sông Mê Kông vẫn là điểm nóng cần được quan tâm giải quyết.

CÁC GIẢI PHÁP CẦN THIẾT BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TÍNH ĐA DẠNG DI TRUYỀN CÁC HỆ SINH THÁI VÙNG ĐẦU NGUỒN TRUNG VÀ HẠ LƯU SÔNG MÊ KÔNG

Tạo và nâng độ che phủ trong các hệ sinh thái rừng đầu nguồn các con sông lớn ở vùng trung và hạ lưu sông Mê Kông đạt khoảng 90-95%, trong đó kể cả các hệ sinh thái nhân tạo, trồng cây công nghiệp dài ngày. Muốn thực hiện mục tiêu quan trọng này theo chúng tôi phải:

– Chấm dứt tình trạng chặt phá rừng, đặc biệt là hệ thống rừng đầu nguồn của sông Mê Kông và các sông lớn ở trong vùng;

– Giao đất, giao rừng cho nhân dân, hướng dẫn giúp đỡ để họ trông và quản lý sử dụng bền vững mảnh rừng họ làm chủ, hướng dẫn cộng đồng các dân tộc xây dựng các mô hình nông lâm kết hợp đa dạng kinh tế rừng, kinh tế vườn đồi dưới quyền sở hữu của họ.

Bảo vệ có hiệu quả các hệ sinh thái điển hình trên các vùng đầu nguồn của các sông suối lớn trong toàn khu vực rừng đầu nguồn sông Mê Kông. Đặc biệt bảo vệ, sử dụng thật hợp lý hệ sinh thái rừng cây họ Dầu (rừng khộp ở các tỉnh Tây Nguyên) và các khu rừng nguyên sinh ở các tỉnh Bắc và Trung Trường Sơn.

Việc bảo tồn các nguồn cần phải được quan tâm trước hết đối với các loài quý hiếm, loài có chứa hoạt tính sinh học cao, các loài có vai trò giữ nước, bảo vệ chống xói mòn... Từ trước đến nay, chúng ta cũng chỉ mới chú ý bảo tồn các giống cây trồng, vật nuôi sẵn có mà hầu như chưa quan tâm đúng mức đến việc bảo tồn các nguồn gen hoang dã. Thực ra cho đến nay, chúng ta còn biết rất ít về những gì đang tích lũy trong giới sinh vật nhiệt đới, vì lẽ đó mà trong những năm đầu của thế kỷ XXI, hãy ưu tiên cho các công trình nghiên cứu khoa học cơ bản nhằm tìm hiểu sâu sắc về bản chất hiện trạng các dạng tài nguyên sinh vật trong các hệ sinh thái, đặc biệt chú trọng các hệ sinh thái núi cao trên dãy Trường Sơn. Từ đó, đưa ra những giải pháp công nghệ thích hợp, nhằm nâng cao tính đa dạng sinh học phục vụ cho kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội một cách bền vững ở các khu vực đầu nguồn sông Mê Kông và các vùng lân cận.

Chấm dứt tình trạng vận chuyển mua bán trái phép các loài động vật quý hiếm như đã nêu trên. Chúng tôi đề nghị cần có biện pháp kiểm tra chặt chẽ việc mua bán, khai thác, vận chuyển mua bán các loài động vật, thực vật ở các địa phương, đặc biệt ở các cửa khẩu, và xử phạt nghiêm minh những người săn bắn khai thác rừng bừa bãi các dạng tài nguyên được ghi trong Nghị định 48/2002/NĐ-CP tháng 4/2002. Mặt khác thực hiện nghiêm túc công ước quốc tế về việc mua bán các loài quý hiếm (CITES). Sự nghiệp bảo vệ đa dạng,

bảo vệ và tu bổ các cảnh quan tươi đẹp trong các hệ sinh thái ở các địa phương là góp phần quan trọng trong việc giữ gìn bảo vệ sự ổn định bền vững đa dạng sinh học nói chung và các nguồn tài nguyên động vật trong các hệ sinh thái vùng hạ lưu sông Mê Kông.

Cần tăng cường các nỗ lực hợp tác quốc tế chặt chẽ, nhất là các nước láng giềng (Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Campuchia và Thái Lan) trong sự nghiệp bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ hệ thống các khu bảo vệ tự nhiên, tổ chức khu bảo vệ đa dạng sinh học liên quốc gia ở vùng ngã ba Đông Dương, vùng rừng dọc biên giới giữa ba nước.

Phải có chính sách cụ thể về định canh, định cư, giúp đỡ và tạo điều kiện cho cộng đồng các dân tộc sống ở vùng rừng đầu nguồn sông Mê Kông có cuộc sống ổn định, góp phần cải tạo đời sống vật chất, văn hóa cho nhân dân bằng cách phục hồi lại các nghề truyền thống (thuần dưỡng, nhân nuôi động vật hoang dã, đánh bắt và nuôi thả cá, ba ba, nuôi nai, lợn rừng, dê, thỏ..., nuôi ong lấy mật, khai thác các lâm sản ngoài gỗ).

Tuyên truyền giáo dục nhân dân về ý thức bảo vệ rừng đầu nguồn của các sông suối lớn đổ về sông Mê Kông bằng cách xây dựng các trung tâm giáo dục nâng cao nhận thức cho cộng đồng về vai trò và giá trị của đa dạng sinh học đối với phát triển kinh tế, đối với xóa đói giảm nghèo.

Cần có chương trình phối hợp giữa các nước có đường biên giới chung tiến hành nghiên cứu một cách tổng hợp về tài nguyên động vật, đặc biệt các loài đặc hữu, quý hiếm như: Tê giác một sừng, Voi, Hổ, Bò tót, Bò xám, Bò rừng...

Xây dựng trang web để trao đổi, thông tin về đa dạng sinh học giữa ba nước Đông Dương.

KẾT LUẬN

Các hệ sinh thái rừng đầu nguồn vùng hạ lưu sông Mê Kông không những có chức năng sinh thái, văn hóa-xã hội vô cùng quan trọng, mà còn là kho tàng chứa đựng phong phú nguồn tài nguyên động vật hoang dã và động vật đã thuần hóa. Đây là một nguồn lợi thiên nhiên luôn có vai trò quan trọng trong quá trình tồn tại và phát triển của cộng đồng sống trên địa bàn các khu vực biên giới và các vùng lân cận. Sự nghiệp bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học nói chung và nguồn tài nguyên động vật rừng nói riêng là trách nhiệm là, nghĩa vụ và quyền lợi của cả cộng đồng sống trên địa bàn vùng tổ hợp sinh thái rừng đầu nguồn sông Mê Kông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, 1992-2000. Sách Đỏ Việt Nam (Phần Động vật). NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2004. Chương trình bảo tồn ĐDSH Trung Trường Sơn giai đoạn 2004-2020, Hà Nội, 105 trang.
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Thế giới, 2005. Báo cáo diễn biến môi trường Việt Nam 2005: Đa dạng sinh học.
4. Cục Kiểm lâm, 1996. Những loài động vật, thực vật trong Công ước Buôn bán các Loài Thực, Động vật Nguy cấp (CITES).
5. Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Nam, 2001. Quảng Nam và công tác bảo tồn ĐDSH.
6. Đặng Huy Huỳnh, Hoàng Minh Khiên, Nguyễn Văn Sáng, Trương Văn Lã, Hồ Thu Cúc, 1997. Bảo vệ và phát triển lâu bền nguồn tài nguyên động vật rừng Việt Nam. NXB Giáo dục, Hà Nội.
7. Hà Đình Đức, 2003. Bò xám (*Bos sauveli*) và các chuyến khảo sát Bò xám ở Vườn Quốc gia Yok Don. Tạp chí Hoạt động Khoa học. Bộ KH & CN. Số đặc san 11(534) 2003.
8. Dang Huy Huynh, Cao Van Sung, To Dinh Huyen, 1993. The Conservation and Sustainable Development Biodiversity in Tropical Forest of Vietnam. Workshop of International Region South East Asia. Hanoi.
9. Đặng Huy Huỳnh, 2001. Hiện trạng đa dạng nguồn lợi thú (Mammalia) vùng 3 biên giới Việt Nam, Lào và Campuchia. Kỷ yếu Diễn đàn đa dạng sinh học Campuchia – Lào – Việt Nam lần thứ nhất. Hà Tĩnh.
10. Trương Quang Học và ctv, 2004. Đa dạng sinh học và bảo tồn. Bộ Tài nguyên & Môi trường, Cục Môi trường, Hà Nội.
11. Huỳnh Văn Kéo, 2000. Báo cáo tài nguyên đa dạng sinh học Vườn Quốc gia Bạch Mã.. Hội thảo về vùng sinh thái ưu tiên Trung Trường Sơn 22-23/11/2000 tại Huế.
12. Kỷ yếu diễn đàn ĐDSH Campuchia – Lào – Việt Nam lần thứ nhất. Hà Tĩnh, 2001.
13. Nguyễn Bá Thụ, 2001. Các vấn đề bảo vệ ĐDSH khu vực biên giới Việt Nam – Lào – Campuchia.
14. Nguyễn Xuân Tinh, 2001. Bảo vệ ĐDSH vùng có biên giới chung Việt – Lào của tỉnh Hà Tĩnh, những giải pháp và kiến nghị.

15. Võ Quý và Nguyễn Cử, 1995. Danh lục Chim Việt Nam. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
16. Nguyễn Văn Sáng, Hồ Thu Cúc, Nguyễn Quang Trường, 2005. Danh lụcẾch nhái Bò sát Việt Nam. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
17. BirdLife International, 2004. Đánh giá các vùng whim quan trọng cần được bảo tồn.
18. Bouaphanh Phanthavong, 2001. Bảo tồn DDSH và các khu bảo tồn thiên nhiên của nước CHDCND Lào.
19. WWF, 2000. Điều tra đa dạng sinh học vùng núi Ngọc Linh, Gia Lai.
20. FFI, 2002. Đa dạng sinh vật vùng núi Bidup Lâm Đồng.
21. Meng Monyrak, 2001. Các nỗ lực khởi đầu theo hướng điều tra DDSH và bảo tồn ở Đông Campuchia.

CONSERVATION AND SUSTAINABLE UTILIZATION OF ZOOLOGICAL RESOURCE IN THE UPSTREAM FOREST OF THE MEKONG BASIN

DANG HUY HUYNH

Institute of Ecology and Biological Resources, VAST

Area of the upstream forest of Lower Mekong River Basin has been known as one of the most important landscapes of the world. The topography and climate conditions of the Mekong River watershed make its high biodiversity, especially vertebrate groups. The results of the previous surveys recorded a total of 850 species of vertebrate, including 200 species of mammals (32 families, 12 orders), 550 species of birds (70 families, 19 orders), and 150 species of reptiles and amphibians. The most diverse vertebrate was recorded in the habitat of tropical evergreen forests that are located in the bordering areas of Vietnam, Lao and Cambodia. Among 168 species of vertebrate recorded in these areas, there are 71 species of mammals, 65 species of birds and 32 species of reptiles. The watershed area of the Mekong River does not only have high values of biodiversity conservation, but also plays an important role in sustainable socio-economic development in the basin region. Therefore, a program focusing on threatened vertebrate species is of a high priority for biodiversity conservation and sustainable utilization of the fauna in the area of the upstream forest of Lower Mekong River Basin.